

## XÃ HỘI HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

### VAI TRÒ CỦA LAO ĐỘNG TRONG LỐI SỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

CHU KHẮC

#### 1. Lao động dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.

Lối sống xã hội chủ nghĩa trước hết phải được biểu hiện trong lao động và được ghi nhận bằng thái độ xã hội chủ nghĩa đối với lao động. Lao động được coi là giá trị cao nhất trong hệ tương tác giá trị. Ý nghĩa của lao động đã có sự thay đổi căn bản dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Trước đây, lao động mang tính cưỡng bức, lao động làm thuê; nay là lao động vì mình, vì tập thể và vì xã hội. Lao động chính là điểm xuất phát để phân tích lối sống xã hội chủ nghĩa và các hoạt động cùng hành vi khác nhau của mọi người.

Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, với sự thống trị của quyền sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, sức lao động của người công nhân bị bóc lột thậm tệ để đem lại lợi nhuận tối đa cho các nhà tư bản. Mác đã nói rất rõ rằng: “Người công nhân lao động dưới sự kiểm soát của nhà tư bản, lao động của anh ta thuộc nhà tư bản. Nhà tư bản trông nom sao cho công việc tiến hành được tốt và những tư liệu sản xuất được tiêu dùng một cách hợp lý, do đó, để cho nguyên liệu không bị lãng phí vô ích và công cụ được gìn giữ cẩn thận, nghĩa là chỉ bị hủy hoại theo mức độ cần thiết cho việc tiêu dùng chúng trong công việc mà thôi”<sup>(1)</sup>. Như vậy, bản thân người công nhân không những là nô lệ cho chủ tư bản mà còn là nô lệ cho cả máy móc nữa.

Trái lại, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, lao động của mọi thành viên trong xã hội là tự do, bởi vì sự phát triển của lao động “là điều kiện căn bản và là biện hiện cao nhất của tự do... Tự do biểu hiện hoàn chỉnh trong lao động với tư cách là một nhu cầu trong điều kiện có thể thỏa mãn tất cả các nhu cầu khác”<sup>(2)</sup>. Cơ sở căn bản mới của lao động xã hội hình thành “dựa vào kỷ luật tự giác và tự do của bản thân những người lao động đã vứt bỏ được ách của địa chủ và tư bản”<sup>(3)</sup>. Do không còn có sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, nên lao động cũng không còn là nguồn gốc của sự bóc lột mà nó đã mang một phong cách mới: lao động sáng tạo, trực tiếp phục vụ cho sự

<sup>1</sup> Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, tập III. Nxb. Sự thật, Hà Nội. 1982, tr. 272.

<sup>2</sup> R.I. Cô-lô-xa-pốp: *Chủ nghĩa xã hội - những vấn đề lý luận*, Mát-xcơ-va, 1975, tr. 314.

<sup>3</sup> V.I.Lênin: *Toàn tập*, tập 29, tr. 420.

thỏa mãn những đòi hỏi của bản thân mình và những nhu cầu đa dạng tăng lên không ngừng của xã hội. Lao động của mỗi người trở thành một bộ phận của lao động xã hội. Nguyên tắc chỉ đạo của đời sống xã hội là mọi người đều có nghĩa vụ lao động tùy theo khả năng của mình. Trên bình diện xã hội, lao động đã được thừa nhận như dạng hoạt động chủ yếu nhất và quan trọng nhất của con người. Nghĩa vụ lao động bình đẳng cũng trở thành nguyên tắc cơ bản trong đời sống con người. Điều này khiến cho lối sống xã hội chủ nghĩa khác hẳn về chất so với lối sống dựa vào sự bóc lột lao động của người khác trong các chế độ xã hội trước đây.

Ở nước ta, Đảng và nhà nước đã tạo mọi điều kiện để mọi người đến tuổi lao động đều có công ăn việc làm. Chỉ tính số lao động thường xuyên trong khu vực Nhà nước hằng năm tăng khá nhanh<sup>(4)</sup>:

1975: 2.402.100

1980: 3.315.800

1983: 3.434.600

1984 : 3.586.100

1985: 3.744.000.

Với tổng số người trong độ tuổi lao động tính đến 1980, trong toàn quốc có 29.000.000 người, thì đất nước ta có một tiềm năng lao động lớn lao đáng kể. Đó là cái vốn quý báu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhưng điều đáng chú ý là bộ phận lao động thường xuyên trong khu vực Nhà nước đã tăng khá nhanh. Điều này nói lên sự lớn mạnh của giai cấp công nhân, lực lượng đi đầu trong việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Nếu năm 1975, tổng số lao động trong khu vực sản xuất vật chất (bao gồm công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, lâm nghiệp, vận tải...) mới có 1.485.600 người (chiếm 91,7% thì đến 1985, số đó đã lên đến 2.470.000 người (chiếm trên 94%), còn trong khu vực phi sản xuất vật chất (bao gồm khoa học, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, y tế, quản lý Nhà nước...) thì con số tương ứng của 1975 là 916.500 người (chiếm 8,3%) và 1985 là 1.274.000 người (chiếm tỷ trọng dưới 6%). Những con số trên đây nói lên cố gắng lớn lao đem lại công ăn việc làm cho người lao động của chế độ xã hội chủ nghĩa.

## II. Tính chất giáo dục của lao động.

Nếu cơ sở của lối sống xã hội chủ nghĩa là lao động thì chính mặt này lại mang một tiềm năng giáo dục rất lớn. Lao động là lĩnh vực để con người tự khẳng định mình, phát hiện, bồi dưỡng những năng lực vốn có của mình. Trong lao động, con người có mối liên hệ chặt chẽ với tập thể, với cộng đồng và do đó họ thể hiện rõ nhân cách của mình. Quá trình lao động cũng giáo dục cho con người mới ý thức làm chủ tập thể. Muốn lao động tốt, người công nhân phải ra sức rèn luyện, nâng cao trình độ về mọi mặt để có thể đảm đương được những nhiệm vụ ngày càng cao mà tập thể sản xuất giao phó cho mình. Do đó, *giáo dục và tự giáo dục* là đặc điểm quan trọng đối với người lao động trong chế độ làm chủ tập thể. Người công nhân ở đây vừa là đối tượng của giáo dục trong tập thể lao động lại đồng thời ngày càng trở thành chủ thể của giáo dục. Họ không chỉ là người quan tâm một cách khách quan tới sự rèn luyện bản thân mà còn có năng lực giáo dục những người khác. Biểu hiện nổi bật của quá trình giáo dục trong lao động sản xuất hiện nay là phong trào kèm cặp, nâng cao tay nghề đối

<sup>4</sup> Tổng cục thống kê: *Số liệu thống kê 1930 - 1984*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1985, tr. 23.

với các công nhân mới vào xí nghiệp, nhà máy. Những người thợ già đã truyền đạt cho các thanh niên mới bước vào cuộc sống lao động những kinh nghiệm nghề nghiệp, đồng thời còn giáo dục họ cả những kinh nghiệm xã hội phong phú, quan điểm sống tích cực, tinh thần làm chủ tập thể, thái độ sáng tạo trong lao động, v.v... Trong một cuộc điều tra xã hội học về các tầng lớp thanh niên ở quận I, thành phố Hồ Chí Minh, do Ban Xã hội học thuộc Viện Khoa học xã hội tiến hành năm 1983, khi được hỏi: “Bạn có tự rèn luyện tay nghề cho mỗi ngày một giỏi hơn không?”, thì 71,3% trong tổng số trả lời là: thường xuyên. Nếu đi sâu vào chi tiết của từng loại công nhân viên trong các khu vực, ta cũng thấy ý thức rèn luyện nâng cao tay nghề thường xuyên rất cao: quốc doanh: 75,6%, hành chính: 67%, công tư hợp doanh: 83,3%, các tổ hợp: 72,4%. Còn trong một cuộc điều tra xã hội học do Phòng lối sống của Viện Xã hội học (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam) tiến hành tại 6 nhà máy ở Hà Nội cuối 1981, khi được hỏi: “Bạn có hài lòng về điều kiện nâng cao tay nghề ở nhà máy không?”, đã có 44,1% công nhân Nhà máy dụng cụ số I trả lời rất hài lòng. Con số này ở xí nghiệp dệt Mùa Đông là 12,4%, ở xí nghiệp may Thăng Long là 42,8%, ở xí nghiệp Dệt 10-10 là 59,5%. Những số liệu trên chứng tỏ: một mặt, việc tổ chức kèm cặp, giáo dục trong lao động ngày càng được các cấp lãnh đạo nhà máy, xí nghiệp rất quan tâm; mặt khác, ý thức tự giáo dục rèn luyện của đội ngũ công nhân ngày càng được nâng cao. Việc giáo dục và tự rèn luyện trong lao động là một mặt ưu việt của chủ Nghĩa xã hội đối với việc xử dựng tầng lớp công nhân mới, trẻ, khỏe, có năng lực đảm đương mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó cho.

Bên cạnh việc học tập do những người thầy giàu kinh nghiệm dạy bảo và việc tự giáo dục, rèn luyện, còn một hình thức không kém phần quan trọng trong tập thể lao động là *giáo dục lẫn nhau*. Phương ngôn Việt Nam có câu “Học thầy không tày học bạn” là nói lên điều này. Nhà sư phạm V.A.Xu-khôm-lin-xki đã nói rằng: “Sức mạnh giáo dục của tập thể bắt đầu từ cái mà mỗi người riêng lẻ đều có, từ chỗ mỗi một người có những tài sản tinh thần gì, từ cái mà họ đóng góp cho tập thể, cái mà họ đem đến cho những người khác và từ cái mà người ta nhận được ở họ”<sup>(5)</sup>. Những tấm gương lao động quên mình của các anh hùng, chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến trong mỗi đơn vị sản xuất thường có tác dụng lớn lao. Đồng chí Lê Duẩn đã nói với thanh niên: “Trong lao động, phải trao đổi kinh nghiệm cho nhau, khuyến khích nhau thi đua, giúp đỡ nhau trao đổi nghề nghiệp... Trong rèn luyện tư tưởng, phải học tập cái hay của nhau, động viên nhau làm điều tốt, nhắc nhở nhau tránh điều xấu, không nên vì quen thân nhau mà dung túng lỗi lầm của bạn, trái lại, phải tìm cách đấu tranh phân rõ phải trái để giúp bạn sửa chữa khuyết điểm”<sup>(6)</sup>. Tác dụng của bạn bè, đồng nghiệp trong tập thể sản xuất rất quan trọng, và dần dần hình thành một hệ thống các quan hệ giữa những người lao động, sự đánh giá và những lời khuyên răn thường có tác dụng điều chỉnh hành vi và cách ứng xử của từng người. Trong cuộc điều tra xã hội học ở 6 nhà máy tại Hà Nội, khi được hỏi ý kiến đánh giá của ai được coi trọng với bản thân mình, 63% người trả lời cho rằng đó là bạn bè, đồng nghiệp và cán bộ lãnh đạo, tức là những người nằm trong tập thể sản xuất, còn có ý kiến của họ hàng, xóm giềng chưa tới 30%.

<sup>5</sup> V.A. Xu-khôm-lin-xki: *Sự ra đời của người công dân, Mát-xcơ-va*, 1971, tr.215.

<sup>6</sup> Lê Duẩn: *Về xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa*. Nxb Sự thật Hà Nội, 1984, tr. 37.

Sự hướng vào nhau, giúp đỡ nhau, giáo dục lẫn nhau của những người lao động trong lĩnh vực văn hóa, tinh thần cũng cho thấy rằng tập thể công nhân thường trở thành trung tâm tiếp xúc khác nhau để trao đổi cảm tưởng của mình mỗi khi xem được một cuốn phim mới chiếu, một vở kịch hay, một buổi truyền hình về đá bóng quốc tế chẳng hạn. Chính trong tập thể này thường diễn ra những cuộc tranh luận, phê phán những sự kiện chính trị xảy ra trên thế giới, nâng cao được nhận thức chính trị, tư tưởng cho mọi thành viên trong tổ, đội sản xuất.

### III. Tính sáng tạo của lao động.

Lao động dưới chế độ xã hội chủ nghĩa còn mang tính chất *sáng tạo*, nghĩa là hình thái lao động trong đó hình thành một cơ cấu các nhu cầu và các năng lực mới về chất, có tính sáng tạo của cá nhân người lao động. Sự sáng tạo trong lao động là hoạt động có mục đích của con người mà nhờ đó bản thân con người phát triển, tính tự giác của con người được nâng cao, các kiến thức, kinh nghiệm của con người thêm phong phú, tiến bộ xã hội được thực hiện: tính sáng tạo của lao động bao hàm những đặc điểm quan trọng của lao động xã hội chủ nghĩa, do các quan hệ kinh tế - xã hội quy định. Chủ nghĩa xã hội đã tạo ra những tổ chức kinh tế - xã hội hữu hiệu để quản lý và tổ chức lao động. Người lao động trong chế độ mới là người làm chủ các tư liệu sản xuất là người đi đầu sáng tạo ra những mối quan hệ xã hội mới mà trước đây chưa từng có. Đó là nguồn gốc của những tìm tòi, cải tiến, ngọn nguồn của thái độ sáng tạo trong lao động kể cả khi trình độ kỹ thuật còn tương đối nghèo nàn. Các phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, phong trào hợp lý hóa sản xuất, phát minh sáng chế, cải tiến kỹ thuật, v.v..., đều nhằm thúc đẩy phong trào sáng tạo trong sản xuất, để đạt được năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều. Những người lao động trong chế độ ta, dù là lao động trí óc hay chân tay dài có thái độ lao động sáng tạo vì họ nhận thức được rằng lao động đem lại lợi ích xã hội cao nhất và là phương tiện tốt nhất con người tự thể hiện và tự hoàn thiện.

Lao động sáng tạo có nội dung phong phú, bao gồm các hoạt động trí tuệ trong quá trình lao động khắc phục những khoảng cách giữa lao động trí óc và chân tay, sự tự do lựa chọn quy trình kỹ thuật cần thiết để tăng năng suất, làm ra nhiều của cải cho đất nước với tiêu hao, chi phí năng lượng, nguyên vật liệu ít nhất và đạt chất lượng cao nhất. Đó là quá trình tự cổ vũ hoạt động, vì người lao động cảm thấy nhu cầu bức thiết phải lao động để tồn tại và đóng góp sức mình cho xã hội. Đó cũng là lao động bình đẳng, bình quyền giữa tất cả mọi người lao động, dù thuộc tầng lớp nào trong xã hội.

Cơ sở vật chất kỹ thuật của lao động sáng tạo là cơ giới hóa (sau này tiến lên tự động hóa) đồng bộ các quá trình sản xuất. Cơ sở kinh tế của nó là quyền công hữu tư liệu sản xuất. Cơ sở xã hội là xã hội chủ nghĩa không còn giai cấp bóc lột. Cơ sở tri thức là trình độ kiến thức khoa học, nghiệp vụ và văn hóa phổ thông cao của những người lao động.

Trong 40 năm qua, mặc dù ngót 2/3 thời gian ta phải dồn sức người, sức của cho công cuộc chống xâm lăng, giành độc lập thống nhất cho Tổ quốc, nhưng Đảng và Nhà nước vẫn quan tâm đặc biệt đến việc xây dựng cơ sở kinh tế-kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật lực lượng nòng cốt trong lao động sáng tạo- đã được chú ý xây dựng và phát triển nhanh chóng về số lượng cũng như chất lượng. Nếu tính từ năm 1945, chúng ta mới có khoảng 1.000 người có trình độ

trung học chuyên nghiệp trở lên, thì đến 1982, chúng ta đã có một đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật gồm 697.430 người, trong đó có 443.273 người có trình độ trung học chuyên nghiệp, 66.986 người có trình độ cao đẳng, 181.237 người có trình độ đại học và 5.934 người có trình độ trên đại học. Từ chỗ gần như phải dựa hoàn toàn vào chuyên gia nước ngoài, ngày nay chúng ta đã có thể tiếp thu, làm chủ được nhiều kỹ thuật và công nghệ mới, điều tra, nghiên cứu giải quyết được nhiều vấn đề khoa học phục vụ sản xuất và đời sống, phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm kinh tế-xã hội của đất nước. Đội ngũ cán bộ của ta có lòng yêu nước, ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao, có ý thức rõ rệt về những nhu cầu và khó khăn của một đất nước từ nghèo nàn, lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội không qua tư bản chủ nghĩa, nên có quan điểm phục vụ đúng đắn, kiên trì và cần cù lao động sáng tạo, đã thu thập được nhiều kinh nghiệm và tri thức thực tiễn, cho phép giải quyết được nhiều vấn đề đang đặt ra trong đời sống kinh tế- xã hội. Việc hội đồng Nhà nước tặng danh hiệu anh hùng lao động cho 109 đơn vị và - tập thể, 97 cá nhân nhân ngày Quốc khánh thứ 40 vừa qua đã nói lên phong trào lao động sáng tạo đã bắt rễ sâu vào mọi ngành kinh tế, xã hội. Trong vườn hoa của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, mỗi đơn vị và cá nhân anh hùng mang một hương sắc riêng, kết quả của một quá trình phấn đấu gian khổ, lao động quên mình và sáng tạo, có năng suất., chất lượng, hiệu quả cao, không ngừng vươn lên làm chủ bản thân, làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội.

Về mặt cơ sở vật chất - kỹ thuật, trang bị máy móc cho các ngành kinh tế quốc dân, để giảm nhẹ sức lao động cho công nhân, tạo điều kiện tăng năng suất và đổi mới kỹ thuật, sáng tạo trong lao động, thì tính đến 1984, chúng ta đã xây dựng được 612 xí nghiệp cơ khí đủ trang bị cho các ngành kinh tế, hàng ngàn máy cắt gọt kim loại, hàng chục ngàn máy phát lực đi-ê-den, động cơ điện, máy bơm nước, máy biến thế, v.v... Đó là cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng mà thiếu nó thì không thể đẩy mạnh được phong trào lao động sáng tạo trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong cuộc điều tra xã hội học ở quận I, thành phố Hồ Chí Minh, để đo lường tính tích cực lao động sáng tạo của thanh niên khu vực Nhà nước và tập thể, khi được hỏi: “Bạn có phát huy mọi sức lực, tài năng để hoàn thành nhiệm vụ không?”, ta có kết quả đáng khích lệ sau đây ở từng khu vực kinh tế:

	Quốc doanh	Hành chính	Công tư hợp doanh	Hợp tác xã	Tổ hợp
- Thường xuyên	78,7%	82,1%	87,5%	76%	79,3%
- Đôi khi	21,3%	17,9%	12,5%	24%	20,7%

Đối với câu trả lời “Không bao giờ” thì không có một người nào đáp như vậy.

Về rèn luyện tay nghề cho mỗi ngày một giỏi, thì 71,3 % trong tổng số người được hỏi trả lời: thường xuyên, còn 22,1% trả lời: đôi khi.

Về tự mình phát huy sáng kiến thì chỉ có 23,7% số người được hỏi trả lời: thường xuyên, 59,4% trả lời: đôi khi.

Về tham gia ý kiến cải tiến quản lý sản xuất và công tác ở cơ sở: thường xuyên 22,3%; đôi khi: 52,8%.

Sự xuất hiện sáng kiến trong sản xuất còn tùy thuộc vào trình độ chuyên môn, học vấn, vào lứa tuổi, thâm niên công tác nữa. Vì càng có học vấn, chuyên môn cao thì tư duy càng mở mang, sự hiểu biết về ngành nghề và những kinh nghiệm trên sách báo càng giúp cho người lao động nảy ra những sáng tạo rất có hiệu quả đối với năng suất và chất lượng. Trong cuộc điều tra xã hội học ở 6 nhà máy Hà Nội, chỉ riêng với đối tượng thanh niên thì người có trình độ cấp III có nhiều sáng kiến hơn cấp II (11,2% so với 3,4%), người nhiều tuổi (26-30 tuổi) nhiều sáng kiến hơn lứa tuổi 21-25 (10,1% so với 9,4 %), người có thâm niên 6 - 10 năm nhiều sáng kiến hơn loại có thâm niên 3-5 năm: 11,9% so với 6,9%.

#### IV. Sự hài lòng đối với lao động.

Con người nhận thức được giá trị của lao động qua việc thỏa mãn những nhu cầu của mình, trước hết là nhu cầu lao động sáng tạo. Nhu cầu lao động không chỉ bao gồm nhu cầu về mục đích lao động mà còn cả nhu cầu làm chủ đối tượng lao động và công cụ lao động. Như vậy, giá trị lao động - thước đo của sự thỏa mãn các nhu cầu ấy - lại do mối tương quan giữa *mức độ hài lòng đối với lao động* và trình độ chuyên môn - kỹ thuật của người lao động quyết định. Ở đây, sự hài lòng đối với lao động không chỉ vì lao động tạo ra nguồn thu nhập chính đáng mà còn vì lao động là điều kiện để thể hiện và phát huy những năng lực thể chất và tinh thần của con người nữa.

Mức độ hài lòng đối với lao động trước hết liên quan chặt chẽ đến *những điều kiện lao động*, trong đó phải kể đến mức độ nặng nhọc của lao động bao gồm cường độ lao động (sự căng thẳng về thể lực và tinh thần khi thực hiện các thao tác sản xuất), việc di chuyển các công cụ và thành phẩm, những điều kiện về nhiệt độ, ánh sáng, sự chấn động, tiếng ồn, v.v... Nhà nước xã hội chủ nghĩa quan tâm đến việc áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật để cải thiện những điều kiện lao động, trước tiên là tăng thêm trình độ cơ giới hóa lao động, loại bỏ dần những công cụ thô sơ, lạc hậu vừa làm cho người lao động mất nhiều sức lực, vừa đạt hiệu quả thấp.

Một yếu tố khác cũng không kém phần quan trọng có liên quan đến mức độ hài lòng trong lao động là *tổ chức sản xuất*. Đây cũng chính là điều kiện thiết yếu để xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa. Việc tổ chức lao động một cách khoa học, hợp lý sẽ bảo đảm sử dụng một cách tiết kiệm nhất sức người, sức của để đạt kết quả tối đa. Trong điều kiện nước ta hiện nay chưa có một nền đại công nghiệp phát triển đủ để trang bị máy móc cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, nhưng nếu khéo biết tổ chức sản xuất vẫn có thể tạo ra một năng suất lao động cao. Hồ Chủ tịch đã nói: “Muốn phát triển sức sản xuất thì trước hết phải nâng cao năng suất lao động và muốn nâng cao năng suất lao động thì phải tổ chức lao động cho tốt” (7). Tổ chức lao động thế nào cho tốt? Người giải thích: “Phải tiếp tục cải tiến quản lý các xí nghiệp và không ngừng cải tiến kỹ thuật trong tất cả các ngành kinh tế, phải sử dụng hợp lý sức lao động; phải cố gắng học tập dùng kỹ thuật mới xây dựng cơ sở kỹ thuật, kiên quyết từ bỏ lối làm ăn lạc hậu. Những việc đó không phải ngay một ngày hai mà xong, nhưng có quyết tâm, có tổ chức thì nhất định làm được” (8). Việc tổ chức lao động sản xuất một cách hợp lý, khoa học có tác động đến lối sống của con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa, thể hiện trong sự tăng cường giúp đỡ lẫn nhau trong tập thể lao động, trong những mối quan hệ giao tiếp phong phú

<sup>7, 8</sup> Hồ Chí Minh: *Về giáo dục thanh niên*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 1980, tr. 29; 290.

nhằm đem lại hứng thú và sự hài lòng đối với lao động. Tổ chức lao động khoa học còn bao hàm việc sử dụng đúng đắn trình độ nghề nghiệp, trình độ lành nghề, phù hợp với thể chất và tinh thần của người lao động. Trong cuộc điều tra 6 nhà máy ở Hà Nội, 57,7% công nhân cho rằng tổ chức lao động còn nhiều thiếu sót, 46,5% công nhân cho rằng điều kiện lao động không đảm bảo.

Cũng cần nhấn mạnh đến không khí *tâm lý - xã hội* trong sự hài lòng của người công nhân đối với lao động. Môi trường tâm lý xã hội này tùy thuộc vào người lãnh đạo tập thể lao động và những mối quan hệ qua lại giữa người lãnh đạo với cấp dưới. Người lãnh đạo phải được công nhân tin nhiệm, có đạo đức chí công vô tư, quan tâm đến mọi người để làm cho đơn vị hòa thuận; sản xuất có hiệu quả, thân ái giúp đỡ nhau cùng gánh vác công việc chung trong cuộc điều tra của chúng tôi, 23,4% công nhân coi trọng sự đánh giá của lãnh đạo đối với mình, còn 35,2% chưa hài lòng. Nhưng ở xí nghiệp Dệt 10-10 thì 46,1% công nhân hài lòng về sự đánh giá đó. Đây là điều dễ hiểu khi phong trào lao động ở đây khá sôi nổi và đạt nhiều thành tích về năng suất chất lượng và hiệu quả sản xuất.

Cuối cùng, sự hài lòng đối với lao động còn liên quan đến sự phân phối, hay là các yếu tố kích thích vật chất và tinh thần đối với lao động. Kích thích vật chất đối với lao động là tất yếu khách quan trong suốt thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn của Liên Xô cũng như các nước xã hội chủ nghĩa khác đã khẳng định luận điểm có tính nguyên tắc của V.I. Lê-nin khi Người cho rằng, bằng nhiệt tình cách mạng không thôi thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Do đó, việc trả công lao động và sự phân biệt tiền công lao động là khách quan vốn có đối với chủ nghĩa xã hội. Điều này cũng phù hợp và có tác động đến lối sống xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng ta cũng nêu lên việc “áp dụng nguyên tắc phân phối theo lao động, gắn chặt tiền lương với năng suất lao động”<sup>9</sup>). Nhưng đồng thời cũng không được sao lãng việc giáo dục tư tưởng, làm cho mọi người thấy rõ trách nhiệm phấn đấu làm hết sức mình cho chủ nghĩa xã hội.

Trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa hiện nay, việc xây dựng con người mới làm chủ tập thể mang một lối sống mới, xã hội chủ nghĩa, đang được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm. Con người mới trước hết phải là người lao động sáng tạo, lao động với tinh thần tự nguyện tự giác cao, với nhiệt tình, tận tụy, sẵn sàng cống hiến hết năng lực và trí tuệ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lao động có tổ chức, có kỷ luật, có kỹ thuật để đạt năng suất cao, để có được đời sống vật chất và văn hóa phong phú. Đây cũng là ý nghĩa của mặt cơ bản trước nhất của là sống xã hội chủ nghĩa

<sup>9</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, tập 1, Nxb. Sự thật. Hà Nội, 1980, tr. 78.